

Số: 146^a/THBVĐ
V/v hướng dẫn thực hiện chế độ nâng lương,
nâng phụ cấp thâm niên vượt khung, nâng
phụ cấp thâm niên nghề đối với nhà giáo,
phụ cấp lâu năm đợt II năm 2024;

Thanh Bình, ngày 13 tháng 11 năm 2024

Kính gửi: Các tổ chuyên môn, văn phòng.

Căn cứ Công văn số 1728/PGDĐT-TCCB ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Điện Biên Phủ V/v hướng dẫn thực hiện chế độ nâng lương, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung, nâng phụ cấp thâm niên nghề đối với nhà giáo, phụ cấp lâu năm đợt II năm 2024;

Căn cứ biên bản xét nâng lương và nâng phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nhà giáo, nâng lương trước thời hạn cho công chức, viên chức đợt II năm 2024;

Để đảm bảo tính khách quan, công khai, công bằng và chính xác, Trường tiểu học Bế Văn Đàn đề nghị các Các tổ chuyên môn, văn phòng thực hiện một số nội dung cụ thể sau:

1. Thông báo, niêm yết công khai danh sách cán bộ, giáo viên, nhân viên đủ điều kiện nâng lương thường xuyên, nâng mức phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nhà giáo, nâng lương trước thời hạn đợt II năm 2024 (Có danh sách đính kèm). Hình thức công khai: Niêm yết công khai danh sách tại bảng tin và qua Website, các nhóm zalo của đơn vị.

2. Ý kiến của các tập thể, cá nhân vào danh sách nâng lương thường xuyên, nâng mức phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nhà giáo, nâng lương trước thời hạn đợt II năm 2024 đề nghị gửi về Hiệu trưởng trước ngày 15/11/2024 để tổng hợp gửi phòng tổ chức cán bộ phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Điện Biên Phủ theo quy định.

Nhận được Công văn này, yêu cầu Tổ trưởng các tổ chuyên môn, văn phòng khẩn trương triển khai thực hiện nhằm đảm bảo chế độ, chính sách, quyền lợi của cán bộ, giáo viên, nhân viên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Đinh Thị Thanh Nhàn

NÂNG PHỤ CẤP THÂM NIÊN
ĐỐI VỚI NHÀ GIÁO THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH 54/2011/ND-CP
ĐỢT 2 NĂM 2024

Tổng số GV được hưởng PCTN:
Tổng số GV được nâng PCTN năm 2024:
Tỷ lệ GV được nâng/tổng GV hưởng:

44 người
26 người

TL% 23,5% MLTT: 2 340 000

Đơn vị tính: Ngân đồng

STT	Nội dung, diễn giải	Biên chế được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt	Biên chế có mặt đến 1/8/2023	Thời gian tính hưởng phụ cấp thâm niên	Tổng số đối tượng được hưởng phụ cấp thâm niên	Tỷ lệ % PCTN		Hệ số lương và các khoản phụ cấp					Tổng hệ số phụ cấp thâm niên	Phụ cấp thâm niên 1 tháng	Các khoản trích nộp (BHYT, BHXH, KPCĐ) 01 tháng theo quy định (23,5%)	Nhu cầu tăng thêm năm 2023	Số tháng hưởng
						Phụ cấp thâm niên (cũ)	Phụ cấp thâm niên (mới)	Hệ số lương ngạch bậc	Hệ số phụ cấp chức vụ	Tỷ lệ % Vượt khung	Phụ cấp thâm niên vượt khung quy theo hệ số	Tổng cộng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11		12	13=12*(8-7)	14=13*MLTT	15=13*24%	16=(13+14)*17	17
	TỔNG SỐ	55	55														
1.1	Trường TH Bế Văn Đàn							118,17	2,05		1,84	122,06	1,22	2.856.197	0,29	8.217.861	
1	Đinh Thị Thanh Nhân			01/09/2024	Hiệu trưởng	26%	27%	5,36	0,40			5,76	0,06	134.784	0,014	423.971	
2	Vương Thị Hoài			01/08/2024	Giáo viên	26%	27%	4,98	0,20	5%	0,25	5,43	0,05	127.039	0,013	499.509	
3	Nguyễn Thanh Loan			01/08/2024	Giáo viên	26%	27%	5,02				5,02	0,05	117.468	0,012	461.878	
4	Hoàng Thị Hiền			01/09/2024	Giáo viên	29%	30%	5,26		7%	0,37	5,63	0,06	131.700	0,013	414.269	
5	Nguyễn Thị San			01/09/2024	Giáo viên	27%	28%	5,36	0,40		0,00	5,76	0,06	134.784	0,014	423.971	
6	Nguyễn Thị Thảo			01/09/2024	Giáo viên	31%	32%	4,89	0,20	8%	0,39	5,48	0,05	128.260	0,013	403.449	
7	Nguyễn Thị Thơm			01/09/2024	Giáo viên	24%	25%	4,68				4,68	0,05	109.512	0,011	344.476	
8	Cao Văn Tinh			01/09/2024	Giáo viên	20%	21%	4,68				4,68	0,05	109.512	0,011	344.476	
9	Bùi Thị Vinh			01/10/2024	Giáo viên	32%	33%	4,89		9%	0,44	5,33	0,05	124.724	0,013	294.246	
10	Nguyễn Thị Khuyên			01/10/2024	Giáo viên	29%	30%	4,98				4,98	0,05	116.532	0,012	274.918	
11	Nguyễn Thị Thi			01/10/2024	Giáo viên	31%	32%	5,26				5,26	0,05	123.084	0,012	290.376	
12	Phạm Thị Thơm			01/10/2024	Giáo viên	31%	32%	4,89		8%	0,39	5,28	0,05	123.580	0,012	291.546	
13	Nguyễn Thị Hằng			01/11/2024	Giáo viên	31%	32%	5,36	0,15			5,51	0,06	128.934	0,013	202.785	
14	Dương Thị Hương			01/12/2024	Giáo viên	31%	32%	5,26	0,15			5,41	0,05	126.594	0,013	99.552	
15	Đào Thị Loan			01/09/2024	Giáo viên	16%	17%	3,99				3,99	0,04	93.366	0,009	293.688	
16	Vũ Ngọc Quyết			10/09/2024	Giáo viên	13%	14%	4,00				4,00	0,04	93.600	0,009	294.424	
17	Đặng Thị Hương Giang			01/09/2024	Giáo viên	12%	13%	3,66				3,66	0,04	85.644	0,009	269.398	
18	Nguyễn Quốc Hải			01/09/2024	Giáo viên	12%	13%	3,33				3,33	0,03	77.922	0,008	245.108	
19	Trần Lệ Quyên			01/09/2024	Giáo viên	16%	17%	3,99	0,20			4,19	0,04	98.046	0,010	308.409	
20	Phạm Thị Hương			01/09/2024	Giáo viên	12%	13%	3,99				3,99	0,04	93.366	0,009	293.688	
21	Lò Ngọc Bích			15/09/2024	Giáo viên	11%	12%	3,66				3,66	0,04	85.644	0,009	269.398	
22	Lương Thị Loan			01/09/2024	Giáo viên	12%	13%	3,99				3,99	0,04	93.366	0,009	293.688	
23	Đỗ Thị Oanh			20/09/2024	Giáo viên	14%	15%	4,00	0,20			4,20	0,04	98.280	0,010	309.145	
24	Bạc Thị Tiên			01/10/2024	Giáo viên	11%	12%	4,00				4,00	0,04	93.600	0,009	220.818	
25	Phạm Thị Yến			01/09/2024	Giáo viên	8%	9%	3,33				3,33	0,03	77.922	0,008	245.108	
26	Nguyễn Thị Hà			01/09/2024	Giáo viên	27%	28%	5,36	0,15			5,51	0,06	128.934	0,013	405.569	

NGƯỜI LẬP


Nguyễn Hải Yến

TRƯỜNG
TIỂU HỌC
BÊ VĂN ĐÀN

Đinh Thị Thanh Nhân

DANH SÁCH NÂNG LƯƠNG ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC ĐỢT II NĂM 2024

(Theo Thông tư số : 08/2013/TT - BNV ngày 31/7/2013 của Bộ Nội Vụ)
(Theo Thông tư số : 04/2005/TT - BNV ngày 05/01/2005 của Bộ Nội Vụ)
Tổng số CB,CC,VC có mặt đến thời điểm báo cáo: 49 người.
Tổng số CB,CC,VC được nâng bậc lương thường xuyên: 02 người.
Tổng số CB,CC,VC được nâng phụ cấp thâm niên vượt khung: 07 người.
Tổng số CB,CC,VC được nâng bậc lương trước thời hạn: 06 người.

Số TT	HỌ VÀ TÊN	Năm sinh		Chức vụ	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương hiện hưởng							Kết quả nâng bậc lương trong năm						Hệ số chênh lệch	Ghi chú
		Nam	Nữ			Hạng	Chức danh hoặc (Mã số ngạch, Mã số hạng)	Bậc	Hệ số	Phụ cấp TN VK (%)	Hệ số CL BL	Thời điểm được xếp lương và % PCTNVK	Hạng	Bậc	Hệ số	Phụ cấp TN VK (%)	Hệ số CLBL	Thời gian tính nâng lương và % PCTNVK lần sau		
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
I	CÁN BỘ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐƯỢC NÂNG BẬC LƯƠNG THƯỜNG XUYÊN: 01 người																			
1	Đào Thị Loan		1985	Giáo viên	Đại học	III	V.07.03.08	6	3,65			05/09/2021	III	7	3,96			05/9/2024	0,31	
2	Nguyễn Thu Hà		1989	Nhân viên	Đại học	IV	V.10.02.07	6	2,86			01/09/2022	IV	7	3,06			01/09/2024	0,2	
	Cộng I								3,65						7,02				0,51	
II	CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐƯỢC NÂNG MỨC PHỤ CẤP THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG 07 người																			
1	Dương Thị Hương		1972	Giáo viên	ĐH TH	III	V.07.03.29	9	4,98	0,15		01/09/2023	III	9	4,98	0,30		01/09/2024	1,494	
2	Nguyễn Thị Thi		1973	Giáo viên	ĐH TH	III	V.07.03.29	9	4,98	0,15		01/09/2023	III	9	4,98	0,30		01/09/2024	1,494	
3	Hoàng Thị Hiền		1974	Giáo viên	ĐH TH	III	V.07.03.29	9	4,98	0,15		01/09/2023	III	9	4,98	0,30		01/09/2024	1,494	
4	Nguyễn Thị Khuyên		1972	Giáo viên	ĐH TH	III	V.07.03.29	9	4,98	5%		01/08/2023	III	9	4,98	6%		01/08/2024	0,2988	
5	Phạm Thị Thơm		1972	Giáo viên	CĐ TH	III	V.07.03.08	10	4,89	6%		01/11/2023	III	10	4,89	7%		01/11/2024	0,3423	
6	Bùi Thị Vinh		1969	Giáo viên	CĐ TH	III	V.07.03.08	10	4,89	7%		01/10/2023	III	10	4,89	8%		01/10/2024	0,3912	
7	Nguyễn Thị Thảo		1972	Giáo viên	CĐ TH	III	V.07.03.08	10	4,89	6%		01/8/2023	III	10	4,89	7%		01/8/2024	0,3423	
III	CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC CÁC PHÒNG, BAN NÂNG BẬC LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN: 07 NGƯỜI.																			
1	Lương Thị Loan		1989	Giáo viên	Đại học	III	V.07.03.29	5	3,66			1/09/2022	III	6	3,99			1/09/2024	0,33	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 03 năm học: 2020-2021; 2021-2022; 2023-2024; CSTĐ CS năm học 2020 -2021, 2021-2022, Bằng Khen của UBND tỉnh, GVDG cấp tỉnh Năm 2024

2	Phạm Thị Hương		1989	Giáo viên	Đại học	III	V.07.03.29	5	3,66		1/09/2022	III	6	3,99		1/09/2024	0,33	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 03 năm học: 2020-2021; 2021-2022; 2023-2024; CSTĐ CS năm học 2022 -2023, 2023-2024; GVDG cấp tỉnh năm học 2023-2024
3	Phạm Thị Yên		1989	Giáo viên	Đại học	II	V.07.03.07	3	3,0		01/06/2022	III	4	3,33		01/06/2024	0,33	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 03 năm học: 2020-2021; 2021-2022; 2022-2023; CSTĐ CS năm học 2021 -2022, 2022-2023;
4	Vũ Thị Dịu		1976	Giáo viên	Đại học	II	V.07.03.28	6	4,00		1/03/2022	II	7	4,34		1/03/2024	0,34	HTXS nhiệm vụ 04 năm liên tục 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, UBND Huyện Mường Chà tặng GK 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022,
5	Lương Thị Huệ		1983	Giáo viên	Đại học	II	V.07.03.28	6	4,00		1/10/2022	II	7	4,34		1/10/2024	0,34	HTXS nhiệm vụ 06 năm liên tục 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; CSTĐ CS năm học 2019-2020, UBND TP Khen 2020-2021, GVG cấp huyện 2019-2020
6	Quách Thị Thủy		1982	Giáo viên	Đại học	II	V.07.03.28	6	4,00		1/03/2022	II	7	4,34		1/03/2024	0,34	HTXS nhiệm vụ 05 năm liên tục 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, CSTĐ CS 02 năm liên tục năm học 2019-2020; 2020 - 2021; GK của UBND huyện 2019-2020; 2020-2021

Điện Biên Phủ, ngày 09 tháng 11 năm 2024

Người lập biểu



Nguyễn Hải Yến

